

Số: 58/KH-SYT-SGDĐT

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 9 năm 2018

KHUNG TRUYỀN THÔNG
THAY ĐỔI HÀNH VI VỆ SINH NÔNG THÔN
GIAI ĐOẠN 2016-2020, NĂM 2018 TỈNH TUYÊN QUANG

I. TÌNH HÌNH CHUNG VỀ VỆ SINH CỦA TỈNH

1. Đặc điểm của tỉnh Tuyên Quang

Tuyên Quang là một tỉnh thuộc khu vực Đông Bắc bộ bao gồm 01 thành phố, 6 huyện và 141 xã, phường, thị trấn (129 xã nông thôn) với tổng số 2.095 thôn/bản/ấp. Có diện tích 5.868 Km², với 7 đơn vị hành chính (với 6 huyện, 1 thành phố), tổng số 129 xã/ 07 phường/05 thị trấn.

Tính đến năm 2015, dân số 800.532 người, trong đó dân số nông thôn: 626.408 người. Tổng số hộ gia đình: 200.133 hộ, trong đó hộ gia đình nông thôn: 156.602 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh: 9,31%. Theo số điều tra báo cáo của Chương trình MTQG NS&VSMT nông thôn các huyện hiện nay có 129 xã thuộc khu vực nông thôn.

Trong những năm qua, Sở Y tế đã chỉ đạo Trung tâm YTDP tỉnh chủ trì hợp phần vệ sinh thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2011-2016. TTYT huyện duy trì các hoạt động tuyên truyền, tổ chức tập huấn vận động hướng dẫn nhân dân các mô hình nhà tiêu HVS và hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tiêu mẫu cho một số hộ gia đình nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách..., một phần khác do nhân dân tự bỏ vốn xây dựng nhà tiêu, hàng năm có khoảng 1.500 nhà tiêu được xây mới. Bởi vậy góp phần không nhỏ trong việc cải thiện các điều kiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường cho người dân khu vực nông thôn của tỉnh.

Trong các trường học, triển khai phong trào xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực” và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: chương trình kiên cố hóa, chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2006-2010, nguồn nước sạch và các công trình vệ sinh trong các trường học đã được cải thiện đáng kể. Nguồn nước chủ yếu của các trường là nước máy hoặc nước giếng khoan, có nơi ở khe suối (nước lã). Tuy nhiên, do nguồn kinh phí còn hạn hẹp nên chưa đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh của các trường, đặc biệt là các trường và điểm trường ở vùng sâu, vùng xa.



2. Tình hình nước sạch và vệ sinh môi trường

Theo số báo cáo của các huyện hiện nay Tuyên Quang có tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 83,7% (Trong đó tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng tiêu chuẩn của Bộ Y tế ban hành đạt 47%). Đối với nhà tiêu hiện tại theo báo cáo tổng hợp của TTYT các huyện gửi có 142.407 hộ có nhà tiêu trong đó tỷ lệ số hộ có nhà tiêu 02 ngăn: 11.9%; nhà tiêu tự hoại: 47%; nhà tiêu 01 ngăn: 22.4%; nhà tiêu thấm dội nước: 4.48% còn lại là các nhà tiêu khác. Tỷ lệ nhà tiêu HVS: 38%.

Tuy nhiên, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh tại các xã không đồng đều, hiện tại có 71.6% số xã có tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu HVS dưới 65% đặc biệt còn một số xã có số hộ gia đình có nhà tiêu HVS dưới 30% như: Xã Vân Sơn (19.9%), Chi-thiết 12.8%, Phúc Sơn (20.1%), Tân An (22.3%) nên không tránh khỏi việc phóng uế bừa bãi gây ô nhiễm môi trường.

Tỷ lệ các trường và điểm trường có công trình nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh trong toàn tỉnh còn thấp, đặc biệt ở vùng nông thôn; số liệu cụ thể ở vùng nông thôn như sau: Tỷ lệ điểm trường (kể cả điểm chính) có nguồn nước hợp vệ sinh chia theo cấp học: Cấp học mầm non có 76,8%; tiểu học có 42%; THCS có 93%. Tỷ lệ điểm trường (kể cả điểm chính) có nhà tiêu hợp vệ sinh chia theo cấp học: Cấp học mầm non có 85,2%; tiểu học có 53,2%; THCS có 65,5%.

3. Các vấn đề vệ sinh của huyện/xã đã chọn

Trong chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch dựa trên kết quả đầu ra giai đoạn 2016-2020, tỉnh đã dự kiến lựa chọn ra 45 xã (trong 4 huyện) để phấn đấu đạt được danh hiệu "vệ sinh toàn xã". Các xã được chọn có tỷ lệ nhà tiêu hợp vệ sinh đạt >20% và < 60%.

Qua kiểm tra đối chiếu thực tế và báo cáo của các huyện, loại nhà tiêu không có tính bền vững cao và khó đảm bảo hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế nên tập trung chỉ đạo tuyên truyền vận người dân xây dựng, sử dụng nhà tiêu thấm dội nước và nhà tiêu tự hoại còn nhà tiêu khô chỉ thực hiện ở những nơi khó khăn về nguồn nước.

II. MỤC TIÊU TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI

1. Mục tiêu chung của Chương trình

Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân nông thôn nhằm cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân, tăng cường tỷ lệ người dân được tiếp cận bền vững với nước sạch và vệ sinh nông thôn được cải thiện cho các hộ gia đình ở Nông thôn. Giúp học sinh trong các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở nắm được những kiến thức cơ bản và thay đổi hành vi về vệ sinh cá nhân (rửa tay bằng xà phòng), sử dụng và bảo quản đúng cách các công trình nước và vệ sinh trong trường học thông qua các hoạt động truyền thông phù hợp với từng lứa tuổi, từng cấp học.

Các mục tiêu truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh đến 2020 như sau:



- 100% hộ dân trong 45 xã “Vệ sinh toàn xã” được tuyên truyền, vận động xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, thông qua cung cấp thông tin về các loại nhà tiêu hợp vệ sinh, cũng như cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu đúng quy cách;

- 100% hộ dân trong 45 xã “Vệ sinh toàn xã” được cung cấp kiến thức về vệ sinh cá nhân và rửa tay với xà phòng và nước sạch vào các thời điểm quan trọng;

- 100% giáo viên và học sinh các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở (không kể các điểm trường) trong xã “Vệ sinh toàn xã” được cung cấp kiến thức về sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh đúng quy cách, rửa tay với xà phòng và nước sạch vào các thời điểm quan trọng;

- Các chủ cửa hàng, nhà sản xuất vật liệu xây dựng đồng ý trở thành CHTI và cộng tác viên, thợ xây của họ trong 45 xã “Vệ sinh toàn xã” được đào tạo tập huấn về thị trường vệ sinh, kỹ thuật xây dựng nhà tiêu, lập kế hoạch kinh doanh, kỹ năng bán hàng để xây dựng và phát triển thành hệ thống cửa hàng tiện ích.

- 90% cán bộ TYT xã, y tế thôn bản tham gia thực hiện Chương trình được đào tạo tập huấn về các mô hình thúc đẩy vệ sinh; truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh; thúc đẩy thị trường vệ sinh, kiểm tra, giám sát vệ sinh nhà tiêu HGD; nhà tiêu trường học và trạm y tế.

- Các nhà lãnh đạo Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể các cấp, và những người có vai trò lãnh đạo trong cộng đồng như trưởng thôn, già làng, trưởng bản tại địa phương cung cấp thông tin về tầm quan trọng và các nội dung vệ sinh nông thôn.

2. Mục tiêu Hợp phần vệ sinh của tỉnh

Năm	Số huyện có can thiệp	Số xã đạt vệ sinh toàn xã	Số thôn trong xã vệ sinh toàn xã	Số hộ được hưởng lợi	Số người được hưởng lợi	Số học sinh được hưởng lợi
2016	1	3	50	4.752	19.006	1.224
2017	4	11	198	20.071	71.458	18.486
2018	4	10	199	18.926	100.645	19.033
2019	4	14	164	15.913	61.279	11.840
2020	4	7	122	11.056	47.624	10.740
Tổng số	4	45	733	70.718	300.012	61.323

III. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG

Kế hoạch truyền thông được xây dựng theo các nguyên tắc sau:

1. Tích hợp ba hợp phần chính trong truyền thông (Tạo cầu và truyền thông thay đổi hành vi; phát triển thị trường vệ sinh, thúc đẩy môi trường thuận lợi). Cả 3 hợp phần cần được triển khai đồng bộ và gắn kết với nhau theo một lộ trình phù hợp: Tạo nhu cầu và truyền thông thay đổi hành vi về điều kiện vệ sinh được cải thiện, phát triển thị trường cho các sản phẩm và dịch vụ vệ sinh, vận động chính sách thúc đẩy môi trường thuận lợi nhằm đưa ra các chính sách, khung thể chế và tài chính, để từ đó tạo ra các chương trình vệ sinh nông thôn có hiệu quả, bền vững và có thể nhân rộng trên quy mô lớn.

2. Chuẩn hoá các hoạt động truyền thông về vệ sinh cho mỗi cấp triển khai khác nhau (tỉnh, huyện, xã, thôn) để có thể dễ dàng đem nhân rộng ra áp dụng ra nhiều huyện và thậm chí nhiều tỉnh khác nhau. Thiết kế dạng mô-đun cho các gói hoạt động, để cấp tỉnh và huyện có thể triển khai theo từng giai đoạn, lựa chọn và ưu tiên triển khai ở một số xã nhất định trong giai đoạn đầu của chương trình và sau đó mở rộng ra các huyện, xã còn lại, hoặc triển khai chiến dịch trên diện rộng nếu có đủ kinh phí. Thời gian đề xuất triển khai một cách toàn diện kế hoạch cho một xã ít nhất là 12 tháng, tuy nhiên các xã nên tiến hành các hoạt động chuẩn bị vào năm trước năm triển khai chính thức và có các hoạt động duy trì tối thiểu ít nhất là 1 năm sau năm can thiệp chính để đảm bảo tính bền vững của các hoạt động can thiệp.

3. Cộng đồng làm chủ, đóng vai trò quyết định loại hình nhà tiêu cần hướng đến: hợp vệ sinh, giá thành vừa phải, tiện lợi và đẹp...

IV. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Đối tượng hưởng lợi

- Là các hộ gia đình nông thôn, ngoài ra các cán bộ tham gia cũng sẽ được tăng cường năng lực qua quá trình thực hiện Chương trình.

- Là học sinh, giáo viên ở các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn thực hiện Chương trình

2. Nội dung hoạt động

Các hoạt động dưới đây nhằm thúc đẩy thực hiện mục tiêu của Kế hoạch truyền thông, tập trung vào các lĩnh vực sau: (i) Tạo môi trường thuận lợi (ii) Tạo cầu; truyền thông thay đổi hành vi; và (iii) Phát triển thị trường vệ sinh. Thực hiện các hoạt động này sẽ giúp tỉnh đạt được mục tiêu của Chương trình, cụ thể là chỉ số giải ngân DLI 1.1; 1.2; 2.2

2.1. Tạo môi trường thuận lợi: tập trung vào các hoạt động chính là vận động chính sách, nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện; giám sát và đánh giá

a) Các hoạt động vận động chính sách

- Vận động thông qua các kênh khác nhau bao gồm các phương tiện truyền thông đại chúng nhằm tăng cường sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý về công tác vệ sinh thông qua hội thảo và các sự kiện, sử dụng video, tài liệu cung cấp các bằng chứng về tác động của vệ sinh đến sức



khỏe và xã hội và các công cụ thông tin khác được thiết kế cho những người ra quyết định và lãnh đạo

- Các hội nghị triển khai các cấp: lồng ghép các mục tiêu thu hút sự quan tâm của các cấp lãnh đạo.

- Xác định và khích lệ các điển hình địa phương là điều quan trọng để thành công. Chương trình sẽ thực hiện cách tiếp cận dựa trên kết quả với phần thưởng và ghi nhận các điển hình thành công, xuất sắc. Cơ chế khen thưởng sẽ được xây dựng dựa trên hỗ trợ kỹ thuật hiện tại trong khuôn khổ PforR NSVSNT.

b) Các hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện chương trình các cấp:

Cục Quản lý môi trường y tế phối hợp với Ngân hàng Thế giới hiệu chỉnh các tài liệu, bộ công cụ phục vụ cho hoạt động truyền thông của Chương trình và bộ tài liệu/công cụ sẽ được chuyển giao cho tuyến tỉnh để thực hiện.

* Lựa chọn giảng viên nòng cốt cho các tỉnh: Các TTYTDP tỉnh chịu trách nhiệm tiếp nhận bộ công cụ truyền thông và lựa chọn các giảng viên nòng cốt cấp tỉnh. TTYTDP cấp tỉnh sẽ hỗ trợ TTYT huyện và trạm y tế xã trong việc lựa chọn các cán bộ tham gia tập huấn và triển khai các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi tại cộng đồng.

* Tập huấn cho giảng viên nòng cốt (TOT): Các giảng viên nòng cốt sẽ được tập huấn và sẽ là các giảng viên cho các cấp thấp hơn để truyền đạt lại các kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng truyền thông tại cộng đồng. Các lớp tập huấn TOT tập trung vào các nội dung như: kỹ năng truyền thông vận động cộng đồng thay đổi hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động của Chương trình; kiểm tra, giám sát các hoạt động của Chương trình; xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, tiếp thị vệ sinh và kết nối chuỗi cung - cầu,.

* Tập huấn cho cán bộ thực hiện dự án:

- Cấp huyện - xây dựng năng lực về: lập kế hoạch cấp huyện, vận động chính sách, hỗ trợ và giám sát, điều phối giữa các hoạt động BCC và tăng cường chuỗi cung cấp khu vực tư nhân..

- Cấp xã - xây dựng năng lực về: lập kế hoạch cấp xã, hỗ trợ và giám sát thực hiện, và kết nối với khu vực tư nhân, ...

- Cấp thôn bản, bao gồm cán bộ y tế, trưởng thôn/làng, tổ chức quần chúng - xây dựng năng lực về: triển khai các hoạt động truyền thông, theo dõi và báo cáo;

* Tập huấn cho giảng viên nòng cốt của hệ thống giáo dục (TOT): Chương trình sẽ cung cấp đào tạo để cải thiện năng lực của ngành GDĐT và cán bộ các trường trong thực hiện chương trình/hoạt động (i) Truyền thông lồng ghép cho học sinh tại tất cả các cấp về vệ sinh cá nhân (rửa tay bằng xà phòng) vệ sinh môi trường; sử dụng và bảo quản công trình nước và vệ sinh ở trường học; và ii) Truyền thông qua các hoạt động ngoại khóa về những chủ đề nêu trên cho học sinh mầm non và tiểu học như các hội thi, biểu diễn văn nghệ...

* Tập huấn cho khu vực tư nhân để phát triển thị trường vệ sinh: phát triển các mô hình kinh doanh nhằm thúc đẩy thị trường vệ sinh phát triển, kỹ thuật xây dựng nhà tiêu, marketing...

- Tập huấn về kỹ năng xây dựng nhà tiêu cho CHTI và thợ xây bao gồm: Các loại nhà tiêu hợp vệ sinh và cấu tạo từng loại; Các vật liệu thay thế để xây nhà tiêu hợp vệ sinh giá rẻ; Các kỹ thuật xây nhà tiêu...

- Tập huấn cho CHTI và Cộng tác viên bán hàng về kỹ năng truyền thông và bán hàng. Khóa tập huấn sẽ cung cấp các chỉ dẫn hữu ích và thông tin về cách tiếp cận các khách hàng tiềm năng, cách tổ chức thăm hộ và cách vận động hộ gia đình đầu tư vào nhà tiêu cải thiện, các kỹ năng tiếp thị liên quan đến vệ sinh môi trường.

- Tập huấn cho CHTI về lập kế hoạch kinh doanh: lập kế hoạch kinh doanh, cung cấp các thông tin về thị trường vệ sinh tiềm năng ở địa phương và giúp cửa hàng dự đoán thị trường và dự tính tài chính trước khi triển khai mô hình kinh doanh CHTI

* Thăm quan học tập: Tham quan học tập là hoạt động trao đổi kinh nghiệm, học tập giữa các cơ quan thực hiện và học tập chéo tại thực địa giữa các huyện và xã trong các tỉnh, hoặc với các tỉnh khác.

c) Giám sát và đánh giá

Cục Quản lý môi trường y tế và Ngân hàng Thế giới sẽ xây dựng các biểu mẫu báo cáo chuẩn để theo dõi việc thực hiện các hoạt động BCC và phát triển thị trường vệ sinh. Các báo cáo sẽ được sử dụng để thẩm tra việc thực hiện kế hoạch BCC. Báo cáo sẽ có đủ chi tiết, ví dụ họp thôn: ngày họp, số lượng người tham gia và giới tính, hoạt động, các vấn đề thảo luận, v.v.; các sự kiện bán hàng và xúc tiến vệ sinh: ngày sự kiện, người tham gia, số lượng bán hàng, v.v. cũng cấu thành một phần của theo dõi và báo cáo.

- Đối với hoạt động BCC tại cộng đồng do ngành y tế thực hiện: Trạm y tế xã lập báo cáo theo quý cho Trung tâm Y tế huyện; Huyện tổng hợp báo cáo và gửi TTYTDP theo quý. TYTDP tỉnh báo cáo cho Cục Quản lý môi trường y tế hàng quý và cũng báo cáo lên Bộ NN-PTNT. Hàng năm TTYTDP tỉnh tổng hợp một báo cáo cho Sở NN-PTNT sau đó được nộp lên Bộ NN-PTNT và Bộ YT ở cấp trung ương cùng với kế hoạch BCC hàng năm cho năm tiếp theo.

- Đối với Hoạt động BCC trong trường học do ngành giáo dục thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh báo cáo cho Vụ Công tác Học sinh Sinh viên – Bộ Giáo dục Đào tạo hàng quý và cũng báo cáo lên Bộ NN-PTNT. Hàng năm Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp một báo cáo cho Sở NN-PTNT sau đó được nộp lên Bộ NN-PTNT và Bộ Giáo dục và Đào tạo ở cấp trung ương cùng với kế hoạch BCC hàng năm cho năm tiếp theo chịu trách nhiệm.

- Quy trình theo dõi và báo cáo cho vệ sinh toàn xã cũng được xây dựng, bao gồm theo dõi tình hình vệ sinh được duy trì ở mẫu giáo, tiểu học và trung học công lập, và các trạm y tế cho những xã đã đạt được tình trạng Vệ sinh toàn xã



sau hai năm thực hiện. Các quy trình này sẽ được KTNN sử dụng để thẩm tra kết quả đạt được.

2.2. Các hoạt động tạo cầu, truyền thông thay đổi hành vi

a) Ở cấp tỉnh, huyện

Vận động chính sách thông qua các hội nghị lập kế hoạch, hội nghị tổng kết, ... để có được sự cam kết của chính quyền và các bên liên quan tạo điều kiện và thực hiện chương trình.

Các hoạt động truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như phát các thông điệp về vệ sinh môi trường, xây dựng các phóng sự, tin bài về tình hình vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh hoặc có thể thành lập các diễn đàn hoặc gameshow về vệ sinh sẽ được triển khai để thu hút sự quan tâm của các cấp lãnh đạo cũng như người dân đến vấn đề vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường trong sự kiện truyền thông lớn như lễ mít tinh, lễ phát động hưởng ứng các ngày vệ sinh yêu nước (02/7), ngày nhà tiêu thế giới (19/11), ngày thế giới rửa tay với xà phòng (15/10)... Ngoài ra, các cán bộ nòng cốt thực hiện Chương trình tuyến tỉnh, huyện sẽ được tuyển trung ương hỗ trợ, đào tạo thành các giảng viên nòng cốt để có khả năng truyền đạt, hướng dẫn và hỗ trợ cán bộ tuyến dưới triển khai tốt các hoạt động của Chương trình.

b) Các hoạt động truyền thông tại cấp xã:

Xã là đơn vị hành chính cơ sở với hệ thống chính trị đồng bộ, có vai trò quyết định. Cần thiết xây dựng cấp xã là cấp thực hiện cơ bản trong các Chương trình VSNT, trong đó trạm Y tế xã trở thành tổ chức thực hiện VSNT chủ chốt, tiên phong trong việc vận động người dân xây và sử dụng nhà tiêu cải thiện và thay đổi hành vi vệ sinh một cách bền vững. Các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cộng đồng về nhà tiêu cải thiện do cán bộ y tế cấp xã làm đầu mối tổ chức, điều hành với sự tham gia của các tổ chức chính trị xã hội như hội phụ nữ... như sau:

- Phát tin qua loa truyền thanh: Loa phát thanh là phương tiện rất cần thiết trong việc thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền chính trị tại địa phương, đồng thời là phương tiện hữu ích với những người dân để tiếp nhận thông tin. Loa phát thanh xã sẽ đưa những bản tin, những quy định pháp luật, những tấm gương điển hình hoặc đơn giản là giới thiệu mô hình chuỗi cung ứng... liên quan đến vệ sinh. Các bản tin sẽ được phát vào những giờ nhất định, phù hợp với điều kiện địa phương. Loa truyền thanh được sử dụng để thông báo cho hộ các tin ngắn về tình hình vệ sinh tại địa phương, để mời hộ dân tham gia họp thôn hoặc tham gia các sự kiện công cộng và để tuyên truyền các thông tin về xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu.

- Tổ chức các sự kiện tại cộng đồng: “Hội thi Vệ sinh”, “Ngày hội vệ sinh”, vẽ tranh tường cổ động... Đây là một sự kiện đặc biệt bao gồm nhiều hoạt động tuyên truyền, vui chơi, giải trí có liên quan đến vấn đề vệ sinh. Sự kiện này có thể huy động sự tham gia tích cực từ phía khu vực tư nhân; các cơ sở kinh doanh có



thể thông qua các hoạt động giải trí để giới thiệu các phương án nhà tiêu và các sản phẩm vệ sinh.

c) Các hoạt động truyền thông tại cấp thôn:

Phần lớn các nỗ lực BCC sẽ được tập trung vào những mục tiêu phát huy hiệu quả nhất trong thay đổi hành vi: ở hộ gia đình, thôn/bản, ở cấp xã; ở mẫu giáo, tiểu học sau khi tiếp nhận các công trình mới trong chương trình. Cách tiếp cận chung là thông qua chiến dịch truyền thông thay đổi hành vi được thực hiện bởi các cán bộ y tế thôn/bản, được hỗ trợ bởi cộng tác viên, hội phụ nữ, đoàn thể...

- Vẽ bản đồ vệ sinh thôn bản: Bản đồ vệ sinh thôn thể hiện được tình hình vệ sinh trong thôn một cách trực quan. Các nhãn màu khác nhau sẽ biểu thị rõ tình trạng vệ sinh của từng hộ: có nhà tiêu hợp vệ sinh, có nhà tiêu không hợp vệ sinh, hoặc chưa có nhà tiêu. Mỗi thôn sẽ chuẩn bị bản đồ thôn khi bắt đầu chương trình vệ sinh (sau khi đã tổ chức các khoá tập huấn cho Tuyên truyền viên và Cộng tác viên bán hàng), và sẽ được cập nhật trước và sau mỗi cuộc họp thôn chuyên về vệ sinh hộ gia đình. Với Bản đồ vệ sinh thôn, trưởng thôn và y tế thôn bản nắm bắt được hoàn cảnh của các hộ khó khăn để có hướng tuyên truyền, động viên và hỗ trợ những gia đình này trong việc xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh. Bản đồ vệ sinh thôn là một công cụ hữu ích trong công tác lập kế hoạch và giám sát vệ sinh hộ gia đình thông qua việc đăng kí và cam kết xây nhà tiêu hợp vệ sinh của các hộ.

- Các cuộc họp thôn về vệ sinh: Họp thôn chuyên về vệ sinh là một trong những kênh truyền thông chính để vận động các hộ gia đình đầu tư vào vấn đề vệ sinh và cải thiện các thói quen vệ sinh. Các cuộc họp thôn về vệ sinh hộ gia đình sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận có sự tham gia. Theo đó, tất cả người tham gia cuộc họp sẽ cùng nhau thảo luận, phân tích và đưa ra kết luận cuối cùng. Cán bộ y tế thôn bản cùng với trưởng thôn sẽ điều hành cuộc họp, đưa ra các chủ đề và câu hỏi thảo luận cho người tham gia. Nên tổ chức ít nhất 2 cuộc họp thôn. Cuộc họp thôn thứ nhất, tập trung nâng cao nhận thức và tuyên truyền các lợi ích của nhà tiêu hợp vệ sinh và giới thiệu bản đồ vệ sinh thôn. Cuộc họp thôn thứ hai trở đi, tập trung cung cấp các thông tin về các cơ sở cung ứng nhà tiêu, giá thành và phương án mua hàng. Thu được cam kết và kế hoạch xây nhà tiêu của người dân; tập trung cập nhật bản đồ vệ sinh thôn và nâng cao nhận thức của người dân về cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu đúng cách.

- Kích hoạt vệ sinh tổng thể do cộng đồng làm chủ (CLTS): Kích hoạt CLTS có thể được thực hiện trước các cuộc họp thôn, tại cộng đồng còn có tình trạng phóng uế bừa bãi, hoặc tỷ lệ sử dụng nhà tiêu không hợp vệ sinh cao (trên 50%) nhằm thúc đẩy người dân tự phân tích tình hình vệ sinh, thấy rõ tác hại do phân người gây ra để thay đổi nhận thức và cam kết chấm dứt phóng uế bừa bãi hoặc chấm dứt sử dụng nhà tiêu không hợp vệ sinh.

- Hợp lồng ghép (kết hợp nội dung vệ sinh trong các cuộc họp thôn thông thường): Các cuộc họp thường kỳ trong thôn sẽ đưa thêm các nội dung về vệ sinh



vệ sinh vào trong chương trình cuộc họp, để cung cấp các thông tin cập nhật về các vấn đề vệ sinh và tình trạng vệ sinh trong thôn.

- Thăm hộ gia đình: Đây là kênh truyền thông quan trọng thứ hai trong chiến dịch truyền thông. Các tuyên truyền viên thôn bản sẽ đến thăm các hộ dân và vận động hộ dân xây nhà tiêu hợp vệ sinh sau khi đã giải thích cụ thể cho họ hiểu về các lợi ích của nhà tiêu hợp vệ sinh, về giá cả và đặc tính của các phương án nhà tiêu khác nhau. Nếu người dân thực sự không có khả năng chi trả, tuyên truyền viên sẽ hướng dẫn cho họ cách tự xây nhà tiêu (sử dụng tờ rơi hướng dẫn tự xây nhà tiêu) để họ có thể tự xây được nhà tiêu theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật khi có khả năng về kinh tế.

- Tuyên truyền trên loa phát thanh: Kênh truyền thông này sẽ tập trung tuyên truyền các thông điệp vận động và các thông tin hữu ích như các quy định về vệ sinh; lịch họp thôn về vệ sinh hay tỷ lệ bao phủ nhà tiêu hợp vệ sinh trong thôn. Cán bộ địa phương có thể phát tin thông báo về các sự kiện vệ sinh cấp xã qua mạng lưới loa phát thanh hàng tuần.

2.3. Các hoạt động phát triển thị trường vệ sinh.

a) Lựa chọn và phát triển các mô hình kinh doanh vệ sinh.

Có 2 loại mô hình kinh doanh chính trong lĩnh vực vệ sinh cần được lựa chọn và phát triển bao gồm:

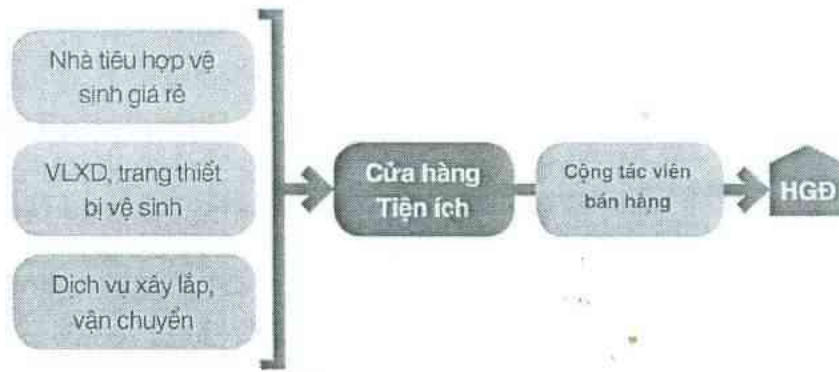
- Cửa hàng tiện ích- cung cấp dịch vụ trọn gói được sử dụng đối với vùng có thị trường mua bán vật liệu và trang thiết bị vệ sinh.

- Dịch vụ từng phần được sử dụng đối với những vùng chưa có thị trường mua bán vật liệu sẽ áp dụng mô hình dịch vụ tại chỗ thông qua các nhóm thợ xây hay tuyên truyền viên ở cộng đồng.

b) Mô hình cửa hàng tiện ích

- *Cửa hàng tiện ích* là một mô hình cửa hàng bán lẻ mà tại đó các khách hàng có thể mua tất cả các vật liệu và trang thiết bị cần thiết để xây một nhà tiêu cải thiện hoàn chỉnh. Các cửa hàng này có thể cung cấp các dịch vụ khác nhau như dịch vụ xây dựng, vận chuyển, tư vấn cho hộ gia đình về loại nhà tiêu phù hợp, cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu, hỗ trợ tài chính hoặc bảo hành sản phẩm để người dân chọn được loại hình phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính của gia đình mình với mức giá chuẩn và chất lượng tốt. Người dân có thể sử dụng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ của các CHTI tùy theo nhu cầu của gia đình mình.

- Lựa chọn và thành lập Cửa hàng Tiện ích: TTYTDP sẽ hỗ trợ thành lập và tập huấn các CHTI, mạng lưới tiếp thị và phân phối của cửa hàng bằng cách tuyên truyền về mô hình kinh doanh này;



- Đào tạo đội ngũ thợ xây: CHTI cần thành lập mạng lưới thợ xây để có thể cung cấp trọn gói sản phẩm nhà tiêu đồng thời quản lý được chất lượng xây dựng của sản phẩm. Đội ngũ thợ xây này sẽ được tham gia vào lớp tập huấn về kỹ thuật xây dựng, cách sử dụng và bảo quản các loại nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Lập mạng lưới Cộng tác viên bán hàng (CTV): bao gồm lựa chọn các ứng cử viên làm CTV, tập huấn cho họ cách xây dựng mạng lưới tiếp thị của mình để họ có thể tiếp tục mở rộng hoạt động sau khi chương trình vệ sinh ngừng hỗ trợ. CTV là cầu nối giữa bên bán (CHTI) và bên mua (hộ gia đình), cung cấp dịch vụ xây nhà tiêu đáp ứng với nhu cầu của khách hàng. CTV có thể là cán bộ y tế thôn bản, cán bộ phụ nữ, thôn bản, v.v..

- Kết nối nhóm GVQV và CHTI: Đây là hoạt động tuyên truyền, vận động các thành viên trong nhóm GVQV tham gia sử dụng vốn quay vòng của nhóm vào mục đích xây nhà tiêu hợp vệ sinh thông qua dịch vụ được cung cấp của cửa hàng tiện ích do các Cộng tác viên bán hàng; Hội phụ nữ xã, thôn và những người đang điều hành và quản lý nhóm GVQV thực hiện. Tiến trình thực hiện qua các bước: Chuẩn bị các thông tin từ CHTI như khả năng hỗ trợ tài chính, Tỷ lệ lãi suất, Chính sách giảm giá; Giải thích về mô hình nhóm GVQV xây nhà tiêu hợp vệ sinh; Trả lời các thắc mắc của thành viên nhóm GVQV; Hẹn thăm các hộ có nhu cầu tham gia; Thăm hộ có nhu cầu tham gia nhóm GVQV; Thống nhất về việc mua nhà tiêu; Hoàn tất thủ tục mua nhà tiêu theo nhóm; Nhận tiền quỹ của nhóm GVQV, CTV thanh toán với CHTI, Mở rộng quy mô nhóm GVQV.

c) *Mô hình dịch vụ từng phần* đối với nơi thị trường chưa phát triển.

Thông qua các nhóm thợ xây hay tuyên truyền viên ở cộng đồng bao gồm các hoạt động như: (i) Thợ xây đúc ống bi và lắp đặt ống bi, tấm nanh bê tông hoặc xây dựng tại hộ gia đình. (ii) Cho thuê/ mượn khuôn đổ ống bi; (iii) Cửa hàng bán lẻ kiêm lắp đặt dụng cụ, thiết bị nhà tiêu; (iv) Mô hình cửa hàng bán lẻ kiêm việc sản xuất phụ kiện, tấm nanh bê tông và lắp đặt nhà tiêu quy mô trung bình; (v) Mô hình cơ sở cung cấp dịch vụ đúc ống bi và lắp đặt nhà tiêu tại chỗ quy mô nhỏ. Mô hình này còn bao gồm các dịch vụ tư vấn kỹ thuật nhà tiêu của cán bộ y tế, thợ xây, dịch vụ hỗ trợ tài chính, vận chuyển, dịch vụ hút, thông tắc bể phốt....

2.4. Các hoạt động truyền thông trong trường học

Các hoạt động truyền thông trong trường học nhằm mục đích giúp học sinh nắm được những kiến thức cơ bản và thay đổi hành vi về vệ sinh cá nhân (rửa tay bằng xà phòng), sử dụng và bảo quản đúng cách các công trình nước và vệ sinh trong trường học thông qua các hoạt động truyền thông phù hợp với từng lứa tuổi, từng cấp học

Hoạt động cấp tỉnh/ huyện

- Hội nghị triển khai, phổ biến chương trình vệ sinh và truyền thông thay đổi hành vi trong trường học về rửa tay bằng xà phòng và sử dụng/ bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh cho Sở/ Phòng GD&ĐT, Ban giám hiệu các trường học trên địa bàn chương trình

- Tập huấn ToT cho Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, và Ban giám hiệu các trường học về các nội dung liên quan trong chương trình vệ sinh và nước sạch, định hướng và phương pháp truyền thông sẽ triển khai tại các trường học

- In ấn tài liệu truyền thông cho trường học như áp phích, băng video clip và các tài liệu hướng dẫn thực hiện (do chương trình cung cấp) cho giáo viên

Cấp trường

- Tập huấn, nâng cao năng lực cho giáo viên về các nội dung liên quan trong chương trình vệ sinh và nước sạch, phương pháp truyền thông thay đổi hành vi sẽ áp dụng trong trường học

- Hội nghị/ Họp về lập kế hoạch và triển khai thực hiện hoạt động truyền thông về vệ sinh trong trường học cho các giáo viên của trường

- Triển khai các hoạt động truyền thông lồng ghép trong trường học: tuyên truyền trong lễ chào cờ, giờ sinh hoạt lớp và qua hoạt động của đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh tại tất cả các cấp học

- Triển khai các hoạt động ngoại khóa về vệ sinh môi trường (trong đó chú ý nội dung rửa tay bằng xà phòng và sử dụng – bảo quản nhà vệ sinh trường học) như Hội thi tìm hiểu, thi vẽ tranh, biểu diễn văn nghệ... cho học sinh các trường mầm non và tiểu học.

- Giám sát việc thực hiện hoạt động truyền thông và duy trì nhà vệ sinh, rửa tay xà phòng trong trường học

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chỉ đạo Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh làm đầu mối chịu trách nhiệm hướng dẫn và thực hiện các hoạt động vệ sinh trong Chương trình.

- Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh (TTYTP tỉnh) chịu trách nhiệm xây dựng, đầu mối tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường vệ sinh; chuẩn bị kế hoạch và ngân sách hàng năm về thực hiện hợp phần vệ sinh; giám sát và đánh giá tiến độ của các hoạt động vệ sinh; phối hợp với các bên liên quan; cung cấp hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát kỹ thuật cho cấp



huyện và xã trong thực hiện các hoạt động vệ sinh... TTYTP tỉnh là cơ quan đầu mối tổng hợp bản kế hoạch Truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh của ngành y tế và ngành giáo dục để gửi sang Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình các cấp của tỉnh phê duyệt.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai các hoạt động về vệ sinh trường học; Phối hợp chặt chẽ với TTYTP tỉnh về xây dựng Kế hoạch truyền thông về vệ sinh lớp học; Phối hợp với Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh về hỗ trợ trường học vận hành và bảo dưỡng các công trình nước.

3. Ủy ban nhân dân huyện

Chịu trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban của huyện, Trung tâm Y tế huyện và Ủy ban nhân dân các xã, trạm y tế, trường học phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan triển khai thực hiện công tác truyền thông thay đổi hành vi nước sạch, vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân trên địa bàn.

4. Các tổ chức liên quan

Trong thực hiện kế hoạch BCC các cấp bao gồm Hội liên hiệp phụ nữ và các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức tín dụng, NHCSXH và khu vực tư nhân như các nhà sản xuất, cung cấp, cửa hàng tiện ích, thợ xây...

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHO GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Tổng kinh phí: **14.987.890.000 đ**, trong đó:

- Vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả đầu ra vốn vay Ngân hàng thế giới giai đoạn 2016-2020: **11.998.890.000 đ**;
- Vốn đối ứng của địa phương: **2.989.000.000 đ**.

Cụ thể như sau:

1. Đối với hoạt động truyền thông vệ sinh tại cộng đồng do ngành y tế thực hiện: 13.668.100.000 đ

STT	Cấp/hoạt động	Số tiền	Nguồn kinh phí		
			Trung ương	Địa phương	Ghi chú
1	Cấp tỉnh	8.659.664.000	6.775.040.000	1.884.624.000	
2	Cấp huyện	1.918.280.000	1.500.800.000	417.480.000	
3	Cấp xã	3.090.156.000	2.421.660.000	668.496.000	

2. Đối với hoạt động truyền thông vệ sinh tại Trường học do ngành giáo dục thực hiện: 1.319.790.000 đ



STT	Cấp/hoạt động	Số tiền	Nguồn kinh phí		
			Trung ương	Địa phương	Ghi chú
1	Cấp tỉnh	1.319.790.600	1.319.790.600		
2	Cấp huyện				
3	Cấp xã				

(Năm 2018 có biểu chi tiết kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch liên ngành giữa Sở Y tế và Sở Giáo dục & Đào tạo về thực hiện công tác truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh nông thôn giai đoạn 2016-2020, năm 2018. /.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thủy

SỞ Y TẾ
GIÁM ĐỐC



Đào Duy Quyết

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Sở NN&PTNT (B/c);
- Sở Y tế;
- Sở GD&ĐT;
- Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh (T/hiện);
- UBND các huyện (phối hợp);
- Các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT;
- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố;
- Lưu: VT Sở Y tế, Sở GD&ĐT.